

Số: /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Sau khi xem xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6590/TTr-SNNMT ngày 11/6/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 17 Điều 3 Luật số 146/2025/QH15, quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh cụ thể như sau: “Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực không được phép chăn nuôi; quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi”.

Tại Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi, trong đó tại Điều 7 của Nghị định quy định Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã có bước phát triển, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế nông nghiệp, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, cùng với quá trình đô thị hóa, mở rộng các khu đô thị và khu dân cư, hoạt động chăn nuôi trong khu dân cư đã phát sinh một số vấn đề như ô nhiễm môi trường, nguy cơ lây lan dịch bệnh và ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân.

Định hướng chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ nông hộ sang chăn nuôi trang trại tập trung, di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực thuộc nội thành của trung tâm hành chính, khu đô thị, khu vực đông dân cư,... không được phép chăn nuôi đến vùng, khu vực đủ các điều kiện sản xuất chăn nuôi tập trung là phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện thực tiễn và quy định của Luật Chăn nuôi. Từ đó, hình thành vùng, khu chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất chăn nuôi quy mô lớn, an toàn sinh học nhằm thúc đẩy tăng trưởng, xây dựng ngành chăn nuôi theo hướng hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại khu trung tâm hành chính, khu đô thị, khu vực đông dân cư.

Năm 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) chưa ban hành Nghị quyết tương tự.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, việc chưa có quy định thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi. Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

- Cụ thể hóa các quy định của pháp luật về chăn nuôi, bảo đảm triển khai thống nhất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Xác định rõ các khu vực không được phép chăn nuôi nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn sinh học và nâng cao chất lượng đời sống của người dân.
- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi; định hướng phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, an toàn, bền vững.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bảo đảm tính kế thừa, thống nhất với các quy định hiện hành, đồng thời khắc phục những bất cập phát sinh trong thực tiễn, đặc biệt sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu phát triển kinh tế chăn nuôi với bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và phát triển đô thị.

- Chính sách hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng đối tượng, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và có lộ trình thực hiện hợp lý.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tại Công văn số 5407/UBND-CNN&XD ngày 16/5/2026 của UBND tỉnh. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết đã thực hiện xin ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, các sở, ngành liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, UBND các xã, phường và thực hiện đăng tải lấy ý kiến tham gia góp ý vào dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định.

Ngày 10/6/2026, Sở Tư pháp đã có Báo cáo số 332/BC-STP về thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, trong đó đánh giá dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân người Việt Nam, người nước ngoài có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quy định tại Nghị quyết này.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều, được bố cục như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi

Điều 3. Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện, đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Hiệu lực thi hành

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Nội dung chính của Nghị quyết là quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi. Cụ thể như sau:

(1) Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

(2) Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi

1. Khu vực không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm bao gồm: Các thôn, xóm, tổ dân phố có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm từ 85% trở lên và tổng diện tích đất phi nông nghiệp chiếm từ 80% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên.

2. Căn cứ vào tiêu chí quy định khu vực không được phép chăn nuôi tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh sách các khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

(3) Điều 3. Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Hỗ trợ không quá 50% chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời; mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/cơ sở.

2. Hỗ trợ không quá 50% chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp; mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/cơ sở.

3. Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tháng lương cơ bản/người.

(4) Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện, đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ

1. Đối tượng được hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ di dời đến địa điểm mới phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi và chuyển đổi ngành nghề.

2. Điều kiện được hỗ trợ

a) Cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi thuộc diện phải di dời theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

b) Người được đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác phải có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo do cơ sở đào tạo cấp và cam kết thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ.

c) Việc hỗ trợ đối với nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi, chuyển đổi ngành nghề có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.

d) Cơ sở chăn nuôi phải hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi trong thời hạn quy định, nhưng quá 36 tháng chưa thực hiện thủ tục đề nghị hỗ trợ vẫn được hưởng hỗ trợ theo quy định. Cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi sau thời hạn 36 tháng không được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết này được thụ hưởng chính sách hỗ trợ một lần. Trường hợp cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

4. Kinh phí hỗ trợ

a) Kinh phí hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công.

b) Kinh phí hỗ trợ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành.

c) Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn Luật.

(5) Điều 5. Tổ chức thực hiện

(6) Điều 6. Hiệu lực thi hành

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC ĐỂ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Hiện trạng tại 16 xã có đề xuất khu vực không được phép chăn nuôi có 52 cơ sở chăn nuôi quy mô các loại; căn cứ mức hỗ trợ quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết “hỗ trợ không quá 50% chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời; mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/cơ sở. Hỗ trợ không quá 50% chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp; mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/một cơ sở chăn nuôi. Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác, mức hỗ trợ không quá 03 tháng lương cơ bản/người”, dự kiến tổng nhu cầu kinh phí khoảng 11 tỷ đồng cho cả giai đoạn (36 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành) trong đó: Dự kiến sử dụng nguồn vốn đầu tư công khoảng 10 tỷ đồng; dự kiến sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên khoảng 01 tỷ đồng.

2. Thời gian trình thông qua

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV xem xét thông qua Nghị quyết tại Kỳ họp chuyên đề tháng 6 năm 2026 (dự kiến cuối tháng 6/2026).

(có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và các tài liệu liên quan gửi kèm theo)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD, TH.

Báchdtt, 17/6/2026, TTr01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

Số: /2026/NQ-HĐND Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

Quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân người Việt Nam, người nước ngoài có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi

1. Khu vực không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm bao gồm: Các thôn, xóm, tổ dân phố có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm từ 85% trở lên và tổng diện tích đất phi nông nghiệp chiếm từ 80% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên.

2. Căn cứ vào tiêu chí quy định khu vực không được phép chăn nuôi tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh sách các khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Hỗ trợ không quá 50% chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời; mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/cơ sở.

2. Hỗ trợ không quá 50% chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp; mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/cơ sở.

3. Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tháng lương cơ bản/người.

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện, đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ

1. Đối tượng được hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ di dời đến địa điểm mới phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi và chuyển đổi ngành nghề.

2. Điều kiện được hỗ trợ

a) Cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi thuộc diện phải di dời theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

b) Người được đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác phải có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo do cơ sở đào tạo cấp và cam kết thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ.

c) Việc hỗ trợ đối với nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi, chuyển đổi ngành nghề có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.

d) Cơ sở chăn nuôi phải hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi trong thời hạn quy định, nhưng quá 36 tháng chưa thực hiện thủ tục đề nghị hỗ trợ vẫn được hưởng hỗ trợ theo quy định. Cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi sau thời hạn 36 tháng không được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết này được thụ hưởng chính sách hỗ trợ một lần. Trường hợp cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

4. Kinh phí hỗ trợ

a) Kinh phí hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công.

b) Kinh phí hỗ trợ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành.

c) Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn Luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng... năm 2026.

2. Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định khu vực thuộc nội thành của

thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứthông qua ngàytháng năm 2026 ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và PT, Truyền hình tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương

Số: /BC-STP

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện chức năng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) và các văn bản hướng dẫn thi hành, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- Tên dự thảo văn bản: **Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.**

- Cơ quan ban hành văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trình văn bản: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp soạn thảo: không.

- Tiếp nhận hồ sơ thẩm định: ngày 04/6/2026 kèm theo Công văn số 6163/SNNMT-KHTC ngày 02/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Tình trạng hồ sơ đề nghị thẩm định: đảm bảo quy định.

Phần thứ nhất NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN; ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Trong những năm gần đây, quá trình đô thị hóa, phát triển hạ tầng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dân cư diễn ra nhanh chóng, làm thay đổi điều kiện sản xuất và yêu cầu quản lý đối với hoạt động chăn nuôi. Một số khu vực đã hình thành các khu dân cư tập trung, khu vực đô thị hoặc trung tâm hành chính không còn phù hợp để duy trì hoạt động chăn nuôi do nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến cảnh quan, đời sống dân cư và công tác phòng, chống dịch bệnh động vật. Xác định các khu vực không được phép chăn nuôi nhằm bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bên cạnh đó, việc quy định chính sách hỗ trợ đối với các tổ chức, cá nhân thuộc diện phải di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi góp phần giảm thiểu tác động của chính sách, tạo điều kiện để người chăn nuôi ổn định sản xuất,

chuyển đổi ngành nghề hoặc đầu tư cơ sở chăn nuôi tại địa điểm phù hợp, qua đó nâng cao hiệu quả thực hiện sắp xếp, phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, an toàn, hiệu quả và bền vững.

Liên quan đến vai trò điều chỉnh của pháp luật, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) ban hành Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tỉnh Bắc Kạn không ban hành quy định khu vực hạn chế trong chăn nuôi; do đó sau khi sáp nhập ngoài việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp không còn cấp huyện thì việc có địa bàn chưa có quy định để áp dụng cũng là một vấn đề bất cập trong quản lý nhà nước.

Từ các phân tích trên, cơ quan thẩm định đánh giá, việc ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết và phù hợp với yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật, yêu cầu quản lý nhà nước và tình hình thực tiễn của địa phương.

2. Tên gọi, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Tên gọi của văn bản

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL, cơ quan thẩm định thống nhất tên gọi của văn bản với dự thảo nghị quyết.

2.2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Cơ bản phù hợp.

Về đối tượng áp dụng tại khoản 2 Điều 1, để đảm bảo đầy đủ hơn do dự thảo không chỉ quy định về chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi mà còn quy định khu vực không được phép chăn nuôi thì phạm vi điều chỉnh rộng hơn, tác động trực tiếp đến các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi và đồng thời bao gồm các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi ngoài khu vực đó biết để có kế hoạch tổ chức sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi, tránh các khu vực cấm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Do đó tại điểm a khoản 2 Điều 1 đề nghị nghiên cứu lược bỏ nội dung “*trong khu vực không được phép chăn nuôi*”.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ THẢO VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG

Chăn nuôi là một trong những ngành sản xuất quan trọng của lĩnh vực nông nghiệp. Tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm

nhìn đến năm 2045 xác định quan điểm phát triển: "*Bảo đảm phát triển hài hoà giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền, địa phương; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hoá theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*".

Đối với lĩnh vực chăn nuôi, Nghị quyết số 19-NQ/TW xác định nhiệm vụ: "*Phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ chăn nuôi trang trại, gia trại thân thiện với môi trường. Kiên quyết di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung... Bố trí quỹ đất phù hợp cho phát triển chăn nuôi*". Đồng thời, đặt ra yêu cầu quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn gắn với cơ cấu lại lao động, tạo sinh kế, việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho người dân.

Cơ quan thẩm định đánh giá, việc ban hành quy định khu vực không được phép chăn nuôi, chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, trong đó có chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp cho các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng là phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng về di dời hoạt động chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung, bảo vệ môi trường, tổ chức lại sản xuất chăn nuôi theo hướng bền vững, đồng thời bảo đảm an sinh xã hội và tạo điều kiện chuyển đổi sinh kế cho người dân trong quá trình thực hiện chính sách.

III. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THÔNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

1. Thẩm quyền ban hành

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

- Căn cứ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi năm 2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 17 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025), Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm: "*Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi*".

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là phù hợp về thẩm quyền.

2. Căn cứ ban hành

Phù hợp.

3. Nội dung dự thảo

3.1. Về quy định khu vực không được phép chăn nuôi (Điều 2 dự thảo)

Tại Điều 2 dự thảo quy định khu vực không được phép chăn nuôi bao gồm các khu vực thuộc các phường, các tổ dân phố; khu vực trung tâm hành chính của các xã có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm từ 85% trở lên và tổng diện tích đất phi nông nghiệp chiếm từ 80% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên, đồng thời xác định cụ thể các địa bàn áp dụng tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuy nhiên, hiện nay, thực hiện chủ trương của Đảng về sắp xếp thôn, tổ dân phố, tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, ở tổ dân phố yêu cầu việc xây dựng Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua Đề án hoàn thành trước ngày 30/6/2026. Trong trường hợp các xóm, tổ dân phố có sự thay đổi về tên gọi, địa giới do thành lập mới, sáp nhập hoặc giải thể theo chủ trương sắp xếp nêu trên, danh mục khu vực không được phép chăn nuôi được quy định cụ thể tại Phụ lục của Nghị quyết (theo từng xóm, tổ dân phố) sẽ không còn phù hợp với thực tế và đặt ra yêu cầu sửa đổi, bổ sung văn bản để cập nhật danh mục địa bàn, ảnh hưởng đến tính kịp thời trong công tác quản lý nhà nước.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét việc không quy định cụ thể danh mục các xóm, tổ dân phố không được phép chăn nuôi trong dự thảo Nghị quyết mà giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục cụ thể trên cơ sở các tiêu chí đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quy định để bảo đảm tính ổn định của văn bản QPPL, đồng thời tăng tính linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện khi có sự thay đổi về đơn vị hành chính, thôn, xóm, tổ dân phố.

Về các tỷ lệ “lao động phi nông nghiệp chiếm từ 85% trở lên và tổng diện tích đất phi nông nghiệp chiếm từ 80% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên” là nội dung kế thừa của Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND, đề nghị cơ quan soạn thảo khẳng định tỷ lệ này phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập).

3.2. Về điều kiện, nguyên tắc hỗ trợ (Điều 4 dự thảo)

Tại điểm c khoản 3 Điều 4 dự thảo quy định tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời hoặc chấm dứt hoạt động phải hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Tuy nhiên, quy định này mới xác định thời hạn thực hiện việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi, chưa làm rõ mối liên hệ giữa thời hạn thực hiện di dời với điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ. Theo đó, chưa có cơ sở xác định việc hoàn thành di dời trong hay sau thời hạn 36 tháng có phải là căn cứ để xác định điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ hay không. Đồng thời, dự thảo chưa có quy định đối với một số trường hợp đặc biệt như: cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc di dời trong thời hạn 36 tháng nhưng chưa thực hiện thủ tục đề nghị hỗ trợ;

cơ sở chăn nuôi chưa hoàn thành việc di dời trong thời gian 36 tháng do các điều kiện khách quan...có được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định hay không.

Việc chưa quy định rõ các nội dung này có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau trong quá trình tổ chức thực hiện. Để bảo đảm tính minh bạch, thống nhất và khả thi của văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung theo hướng quy định rõ tính ràng buộc giữa thời hạn thực hiện việc di dời, chấm dứt hoạt động chăn nuôi với điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ; đồng thời quy định cụ thể các trường hợp đủ điều kiện, không đủ điều kiện hưởng hỗ trợ để làm cơ sở áp dụng thống nhất trong thực tiễn.

4. Hiệu lực của văn bản

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản QPPL: "*Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng...không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương*".

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP: "*Văn bản phải xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực thi hành*".

Đề nghị tham mưu trình thời gian có hiệu lực của văn bản phù hợp với quy định trên.

5. Nơi nhận văn bản

Phù hợp.

IV. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Dự thảo không có nội dung quy định về thủ tục hành chính và các quy định của dự thảo không làm phát sinh thủ tục hành chính.

V. NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH, NGUỒN NHÂN LỰC; VIỆC PHÂN CẤP, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP; VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

- Thống nhất với đánh giá của cơ quan soạn thảo tại dự thảo Tờ trình về nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản.

- Vấn đề phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp: không phát sinh trực tiếp từ các quy định của dự thảo.

- Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: không phát sinh trực tiếp từ các quy định của dự thảo.

VI. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, trình bày văn bản theo quy định của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, ví dụ: trình bày dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP...

Phần thứ hai **KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH**

1. Về thực hiện các trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Về đăng ký xây dựng văn bản: được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 257/HĐND-VP ngày 14/5/2026 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Văn bản số 5407/UBND-CNN&XD ngày 16/5/2026.

- Việc lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản: đã thực hiện theo quy định (Văn bản số 5373/SNNMT-KHTC ngày 19/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường).

- Về đăng thông tin về nội dung dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh: đã được thực hiện theo quy định.

2. Về điều kiện trình dự thảo

- Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo:

+ Nghiên cứu, phân tích, tiếp thu ý kiến thẩm định để tham mưu cho phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương.

+ Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

+ Gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp theo quy định tại Điều 59a Nghị định 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

- Đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp rà soát, nghiên cứu các nội dung thẩm định, giải trình khi cơ quan soạn thảo trình, đảm bảo tính thống nhất, phù hợp của nội dung văn bản.

- Dự thảo đã thực hiện đảm bảo các quy trình; các nội dung thẩm định phải được tiếp thu, giải trình theo quy định. Sau khi có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, dự thảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (t/mưu);
- Giám đốc;
- Phó Giám đốc (đ/c Sơn);
- Lưu: VT, XDVB.

Loannt.xdvv

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Sơn

Số: /BC- SNNMT

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện Công văn số 5407/UBND-CNN&XD ngày 16/5/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức thực hiện quy trình xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 19/5/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành văn bản số 5373/SNNMT-KHTC gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, các sở, ngành liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, UBND các xã, phường để lấy ý kiến tham gia góp ý; đồng thời đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh lấy ý kiến rộng rãi.

Đến ngày 02/6/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được 66 ý kiến tham gia, trong đó có 59 ý kiến hoàn toàn nhất trí với nội dung dự thảo và 07 ý kiến góp ý, đề xuất chỉnh sửa, bổ sung.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp, nghiên cứu, giải trình và tiếp thu các ý kiến góp ý (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*), đồng thời chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với dự thảo trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục Chăn nuôi, Thú y, và Thủy sản;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Văn Hòa

Số: /BC-SNNMT

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành pháp luật có liên quan đến chính sách dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiến hành tổng kết việc thi hành pháp luật có liên quan đến chính sách dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Kết quả như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Năm 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) chưa ban hành Nghị quyết tương tự. Kết quả triển khai thực hiện như sau:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các Quyết định, văn bản chỉ đạo để triển khai thực hiện Nghị quyết:

- Công văn số 324/UBND-CNN ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

- Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Danh sách các khu vực thuộc nội thành của huyện, thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 về khu vực thuộc nội thành của huyện, thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các Sở Tài chính và các địa phương ban hành Hướng dẫn số 2457/HDLN-TC-NN ngày 08/7/2022 của Liên Sở Tài chính - Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ hỗ trợ cho chủ cơ sở chăn nuôi khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Đồng thời hằng năm thành lập các Đoàn kiểm tra công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh tại các địa phương về công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh đến các đối tượng chịu ảnh hưởng; việc xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh. Kiểm tra công tác thống kê danh sách các cơ sở chăn nuôi, quy mô chăn nuôi thuộc diện phải ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi để làm căn cứ tổ chức thực hiện và hỗ trợ chính sách theo quy định. Thực hiện ký cam kết, xây dựng kế hoạch/ phương án thực hiện ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trong thời gian quy định đối với các cơ sở chăn nuôi. Xử lý kịp thời các cơ sở chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường trong khu vực không được phép chăn nuôi, đồng thời yêu cầu ngừng ngay hoạt động chăn nuôi không để thực hiện theo lộ trình. Khuyến khích các cơ sở chăn nuôi thực hiện di dời, ngừng hoạt động chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi sớm hơn theo lộ trình đã cam kết và thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định.

Đôn đốc các huyện, thành phố (*trước sáp nhập*) tổ chức rà soát, thống kê các phường, thị trấn, khu dân cư đạt tiêu chí tại Khoản 1, Điều 2 của Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*trước sáp nhập*) để báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định danh sách các phường, thị trấn, khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh theo quy định. Thời gian báo cáo thực hiện 2 lần/năm vào thời điểm ngày 15/5 và 15/10 hàng năm.

II. Kết quả thực hiện

Các huyện, thành phố đã giao cho phòng Nông nghiệp và PTNT/phòng Kinh tế (*trước sáp nhập*) là đầu mối chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ vào điều kiện thực tế và tình hình chăn nuôi đề xuất các khu vực không được phép chăn nuôi, quy định mật độ chăn nuôi theo đúng các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở

chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đồng thời xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

1. Công tác tập huấn, tuyên truyền

Các địa phương đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh đa dạng, phong phú bằng nhiều hình thức như: Thông tin tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh của huyện, xã; lồng ghép với các Hội nghị tập huấn, tuyên truyền của các Hội, tổ chức đoàn thể và các lớp chuyên giao khoa học kỹ thuật với tổng số 217 lớp tập huấn và hội nghị tuyên truyền cho trên 10.850 lượt người tham gia. Thông qua đó, đã nhận được sự đồng thuận, hưởng ứng của người dân khi thực hiện Nghị quyết cũng như ký cam kết thực hiện ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trong thời gian quy định.

2. Công tác ký cam kết thực hiện Nghị quyết

Các huyện, thành phố (*trước sáp nhập*) đã tổ chức tuyên truyền, triển khai cho các cơ sở chăn nuôi thực hiện ký cam kết, xây dựng phương án thực hiện ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trong thời gian quy định. Tuyên truyền, phổ biến và quán triệt Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi; tuyên truyền quy định khu vực không được phép chăn nuôi.

Kết quả đã có 608 hộ thực hiện ký cam kết với UBND cấp xã ngừng hoạt động chăn nuôi (TP. Sông Công 284 hộ; TP. Phổ Yên 15 hộ; TP. Thái Nguyên 247 hộ; huyện Định Hóa 16 hộ; huyện Đại Từ 46 hộ).

3. Kết quả thống kê, lập danh sách, vận động cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải ngừng hoạt động chăn nuôi

Thực hiện Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND tỉnh và Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh đã thực hiện cấm chăn nuôi tại toàn bộ 5 phường của thành phố Thái Nguyên và 27 tổ dân phố thuộc 4 huyện, thành phố thực hiện cấm chăn nuôi, cụ thể: thành phố Thái Nguyên (phường Đồng Quang, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Văn Thụ, Trưng Vương); thành phố Sông Công (phường Mỏ Chè: 10 tổ dân phố); thành phố Phổ Yên (phường Đồng Tiến, Ba Hàng, Bãi Bông: 08 tổ dân phố); huyện Đại Từ (thị trấn Hùng Sơn: 05 tổ dân phố); huyện Định Hoá (thị trấn Chợ Chu: 04 tổ dân phố)

Kết quả triển khai vận động ngừng hoạt động chăn nuôi như sau: số hộ chăn nuôi đã ngừng hoạt động chăn nuôi là 520/608 hộ đạt 85,6% (TP. Thái Nguyên 174/247 hộ; TP. Sông Công 283/284 hộ; TP. Phổ Yên 15/15 hộ; huyện Định Hóa 6/16 hộ; huyện Đại Từ 42/46 hộ).

4. Công tác thực hiện chính sách hỗ trợ

Các địa phương có khu vực không được phép chăn nuôi đã thực hiện xây dựng dự toán kinh phí tổ chức triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi. Tuy nhiên đến hết năm 2025, không có cơ sở chăn nuôi nào nộp hồ sơ đề nghị để được hỗ trợ theo Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. Đánh giá chung

1. Thuận lợi

Chăn nuôi ở khu vực trung tâm, nội thành của các phường, khu dân cư là rất ít; Công tác thông tin tuyên truyền đã giúp người dân hiểu được việc chăn nuôi ở khu vực trung tâm, có tỷ lệ đô thị hoá cao hiệu quả kinh tế không cao, lại gây ô nhiễm môi trường, bên cạnh đó tiềm ẩn nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh cao, có nhiều mối nguy về mất vệ sinh an toàn thực phẩm, điều này đã ảnh hưởng đến sức khỏe con người và tác động không tốt đến sự phát triển của đô thị. Do đó khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã được nhân dân đồng tình hưởng ứng, phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế của địa phương.

Các địa phương đều thực hiện nghiêm Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND, kịp thời ban hành kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đến người chăn nuôi trên địa bàn thuộc diện ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

2. Những khó khăn trong thực hiện Nghị quyết

Một số địa phương chưa có quy hoạch chăn nuôi tập trung, chưa bố trí diện tích đất giành cho chăn nuôi dẫn đến khó khăn trong việc di dời địa điểm.

Chăn nuôi nhỏ lẻ, tận dụng xen kẽ trong khu dân cư vẫn là sinh kế của một số hộ dân nên việc ngừng hoạt động chăn nuôi còn gặp nhiều khó khăn.

IV. Đề xuất, kiến nghị

Định hướng chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ nông hộ sang chăn nuôi trang trại tập trung, di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực thuộc nội thành của trung tâm hành chính, khu đô thị, khu vực đông dân cư,... không được phép chăn nuôi đến vùng, khu vực đủ các điều kiện phát triển chăn nuôi tập trung là phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội, điều kiện thực tiễn và quy định của Luật Chăn nuôi. Từ đó hình thành vùng, khu chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất chăn nuôi quy mô lớn, an toàn sinh học nhằm thúc đẩy tăng trưởng, xây dựng ngành chăn nuôi theo hướng hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại khu trung tâm hành chính, khu đô thị, khu vực

đông dân cư. Đồng thời để thống nhất việc quản lý các khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết và phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Văn Hào

Số: /TTr-SNNMT

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Công văn số 5407/UBND-CNN&XD ngày 16/5/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo và kính đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ, SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 17 Điều 3 Luật số 146/2025/QH15, quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh cụ thể như sau: “Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực không được phép chăn nuôi; quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi”.

Tại Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi, trong đó tại Điều 7 của Nghị

định quy định Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã có bước phát triển, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế nông nghiệp, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, cùng với quá trình đô thị hóa, mở rộng các khu đô thị và khu dân cư, hoạt động chăn nuôi trong khu dân cư đã phát sinh một số vấn đề như ô nhiễm môi trường, nguy cơ lây lan dịch bệnh và ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân.

Định hướng chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ nông hộ sang chăn nuôi trang trại tập trung, di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực thuộc nội thành của trung tâm hành chính, khu đô thị, khu vực đông dân cư,... không được phép chăn nuôi đến vùng, khu vực đủ các điều kiện sản xuất chăn nuôi tập trung là phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội, điều kiện thực tiễn và quy định của Luật Chăn nuôi. Từ đó hình thành vùng, khu chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất chăn nuôi quy mô lớn, an toàn sinh học nhằm thúc đẩy tăng trưởng, xây dựng ngành chăn nuôi theo hướng hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại khu trung tâm hành chính, khu đô thị, khu vực đông dân cư.

Năm 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) đã ban hành Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) chưa ban hành Nghị quyết tương tự.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, việc chưa có quy định thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi. Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các quy định của pháp luật về chăn nuôi, bảo đảm triển khai thống nhất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Xác định rõ các khu vực không được phép chăn nuôi nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn sinh học và nâng cao chất lượng đời sống của người dân.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi; định hướng phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, an toàn, bền vững.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bảo đảm tính kế thừa, thống nhất với các quy định hiện hành, đồng thời khắc phục những bất cập phát sinh trong thực tiễn, đặc biệt sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu phát triển kinh tế chăn nuôi với bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và phát triển đô thị.

- Chính sách hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng đối tượng, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và có lộ trình thực hiện hợp lý.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định của Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Thực hiện nhiệm vụ giao, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Công văn số 3439/SNNMT-KHTC ngày 10/4/2026 đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức rà soát, xác định khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn; tổng hợp hiện trạng các cơ sở chăn nuôi thuộc diện dự kiến phải di dời, ngừng hoạt động; đánh giá tác động và đề xuất nhu cầu hỗ trợ làm cơ sở xây dựng chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh tại Văn bản số 4095/SNNMT-KHTC ngày 23/4/2026 về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 04/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 4746/TTr-UBND về đăng ký xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh. Ngày 15/5/2026, Thường trực HĐND tỉnh có Văn bản số 257/HĐND-VP về việc chấp thuận đề nghị đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được

phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tại Văn bản số 5407/UBND-CNN&XD ngày 16/5/2026. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết đã thực hiện xin ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, các sở, ngành liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, UBND các xã, phường và thực hiện đăng tải lấy ý kiến tham gia góp ý vào dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được 66 ý kiến tham gia, trong đó có 59 ý kiến nhất trí và 07 ý kiến góp ý. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định và cho ý kiến tham gia.

Ngày 10/6/2026, Sở Tư pháp đã có Báo cáo số 332/BC-STP về thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, trong đó đánh giá dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân người Việt Nam, người nước ngoài có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quy định tại Nghị quyết này.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều, được bố cục như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi

Điều 3. Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện, đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Hiệu lực thi hành

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Nội dung chính của Nghị quyết là quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi. Cụ thể như sau:

- (1) Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- (2) Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi

Điều 2. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi

1. Khu vực không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm bao gồm: Các thôn, xóm, tổ dân phố có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm từ 85% trở lên và tổng diện tích đất phi nông nghiệp chiếm từ 80% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên.

2. Căn cứ vào tiêu chí quy định khu vực không được phép chăn nuôi tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh sách các khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

(3) Điều 3. Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Hỗ trợ không quá 50% chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời; mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/cơ sở.

2. Hỗ trợ không quá 50% chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp; mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/cơ sở.

3. Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tháng lương cơ bản/người.

(4) Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện, đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ

1. Đối tượng được hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ di dời đến địa điểm mới phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi và chuyển đổi ngành nghề.

2. Điều kiện được hỗ trợ

a) Cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi thuộc diện phải di dời theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

b) Người được đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác phải có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo do cơ sở đào tạo cấp và

cam kết thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 05 năm sau khi được nhận hỗ trợ.

c) Việc hỗ trợ đối với nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi, chuyển đổi ngành nghề có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường.

d) Cơ sở chăn nuôi phải hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi trong thời hạn quy định nhưng quá 36 tháng chưa thực hiện thủ tục đề nghị hỗ trợ vẫn được hưởng hỗ trợ theo quy định. Cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi sau thời hạn 36 tháng không được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết này được thụ hưởng chính sách hỗ trợ một lần. Trường hợp cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

4. Kinh phí hỗ trợ

a) Kinh phí hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công.

b) Kinh phí hỗ trợ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành.

c) Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn Luật.

(5) Điều 5. Tổ chức thực hiện

(6) Điều 6. Hiệu lực thi hành

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC ĐỂ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Dự kiến nguồn lực: Hiện trạng tại 16 xã có đề xuất khu vực không được phép chăn nuôi có 52 cơ sở chăn nuôi quy mô các loại; căn cứ mức hỗ trợ quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết “hỗ trợ không quá 50% chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời; mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/cơ sở. Hỗ trợ không quá 50% chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm

mới phù hợp; mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/một cơ sở chăn nuôi. Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác, mức hỗ trợ không quá 03 tháng lương cơ bản/người”, dự kiến tổng nhu cầu kinh phí khoảng 11 tỷ đồng cho cả giai đoạn (36 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành) trong đó: Dự kiến sử dụng nguồn vốn đầu tư công khoảng 10 tỷ đồng; dự kiến sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên khoảng 1 tỷ đồng.

(có biểu rà soát cơ sở chăn nuôi bị ảnh hưởng và dự kiến kinh phí thực hiện gửi kèm)

2. Thời gian trình thông qua

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV xem xét thông qua Nghị quyết tại Kỳ họp thường chuyên đề tháng 6 năm 2026 (dự kiến cuối tháng 6/2026).

Hồ sơ gửi kèm:

1. Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên so với quy định pháp luật hiện hành.

4. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

5. Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật có liên quan đến chính sách dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

6. Báo cáo số 332/BC-STP ngày 10/6/2026 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

7. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp vào dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sở Nông nghiệp và Môi trường khẳng định nội dung tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được

phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 17 Điều 3 Luật số 146/2025/QH15; Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; các quy định của pháp luật, quy chế làm việc và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương hiện nay.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục CNTY&TS;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Văn Hào